

**BỘ Y TẾ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 445/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI  
ĐOẠN 2016 - 2020 CỦA BỘ Y TẾ**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 36<sup>a</sup>/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;*

*Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục công nghệ thông tin,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ Y tế (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị căn cứ Kế hoạch được phê duyệt tại Quyết định này chịu trách nhiệm xây dựng các dự án, nhiệm vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin theo đúng thủ tục trình tự và hướng dẫn của Bộ Y tế để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế xem xét đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư cân đối ngân sách để thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch này. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc thuê dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định.

3. Cục Công nghệ thông tin là đơn vị đầu mối có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra đánh giá và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch này; đề xuất việc điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý nhà nước của Bộ Y tế cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách và chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Ông, Bà Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như trên điều 4;
- Ủy ban Quốc gia về CNTT (để b/c);
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế (để đăng);
- Lưu: VT, CNTT(3).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Quang Cường**

## KẾ HOẠCH

### ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 CỦA BỘ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-BYT ngày 05/2/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo hệ thống thông tin tích hợp, thống nhất tại cơ quan Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc đáp ứng được yêu cầu tăng cường, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và chất lượng các dịch vụ y tế, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Hoàn thiện triển khai hệ thống quản lý văn bản điện tử đến tất cả các đơn vị trong ngành y tế và kết nối liên thông với Văn phòng Chính phủ, cụ thể:

+ 100% văn bản không mật trình Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

+ 100% các văn bản không mật gửi cho các đơn vị trong ngành y tế dưới dạng điện tử (chỉ sử dụng gửi song song cả văn bản giấy đối với một số loại văn bản được quy định).

+ 80% văn bản không mật được trao đổi giữa Bộ Y tế với các cơ quan nhà nước khác được thực hiện dưới dạng điện tử.

- Có đủ, kịp thời các số liệu cần thiết phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý ngành y tế.

- Có hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; Các lĩnh vực quản lý hành chính quan trọng như quản lý nhân lực, tài chính - kế toán, đảng viên,... tại Bộ Y tế và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ được thực hiện trên môi trường điện tử.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Có 100% dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên, trong đó có 50% đạt mức độ 4; thực hiện cơ chế một cửa trực tuyến đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công của Bộ Y tế; các dịch vụ công liên quan tới xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Y tế được kết nối với hệ thống Hải quan một cửa.

- Bộ Y tế và 100% các đơn vị trực thuộc Bộ có cổng/trang thông tin điện tử cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định.

- Có 100% bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có hệ thống phát số, đăng ký khám chữa bệnh điện tử, cho phép người dân đăng ký khám bệnh, chữa bệnh thông qua phương tiện điện tử kết nối Internet.

c) Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành.

- Có 100% bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS), trong đó có 70% bệnh viện tích hợp hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS), 50% tích hợp hệ thống thông tin lưu trữ và truyền hình ảnh y học (PACS); thông tin khám bệnh, chữa bệnh giữa các

bệnh viện được trao đổi thông suốt, chính xác, bảo mật, đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn, quản lý.

- Có 100% bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế trao đổi thông tin đầy đủ, thông suốt, chính xác, bảo mật với cơ quan bảo hiểm y tế.

- Có hệ thống giám định, hệ thống thông tin tuyến bảo hiểm y tế triển khai trên toàn quốc.

- Có 100% các đơn vị có hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác điều hành, quản lý và công tác chuyên môn chủ yếu của đơn vị.

- Có ít nhất 01 bệnh viện thực hiện công tác quản lý khám bệnh, chữa bệnh hoàn toàn trên môi trường điện tử.

- Xây dựng và vận hành hệ thống tư vấn khám bệnh, chữa bệnh từ xa tại các bệnh viện hoạt động đạt hiệu quả.

- Có hệ thống thông tin quản lý hoạt động phòng khám bác sĩ gia đình.

d) Cơ sở hạ tầng thông tin, nhân lực:

- Xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tạo nền tảng phát triển y tế điện tử hướng đến Chính phủ điện tử.

- Có hạ tầng thông tin và nhân lực đảm bảo duy trì hoạt động liên tục, ổn định, chính xác, an toàn, bảo mật các hệ thống thông tin, các ứng dụng của Bộ Y tế và các hệ thống có quy mô toàn ngành y tế.

- Có 100% cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý tại Bộ Y tế và các đơn vị trực thuộc Bộ được cấp phát chữ ký số chuyên dùng.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Cơ sở hạ tầng thông tin**

- Xây dựng cơ sở dữ liệu các danh mục dùng chung chứa mã định danh làm dữ liệu nền tảng, đảm bảo sự trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin y tế.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp phục vụ các nhu cầu thiết yếu của công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý ngành y tế (bao gồm kho dữ liệu ngành y tế).

- Xây dựng trung tâm dữ liệu, đảm bảo việc lưu trữ đầy đủ, an ninh, bảo mật các cơ sở dữ liệu của Bộ Y tế và các cơ sở dữ liệu quan trọng của ngành, tiến tới quản lý tập trung các hệ thống thông tin của Bộ Y tế tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Y tế.

- Xây dựng, phát triển hệ thống mạng nội bộ tích hợp, thống nhất, tốc độ cao, đảm bảo an toàn, an ninh trong toàn bộ cơ quan Bộ Y tế, các đơn vị trực thuộc Bộ, đảm bảo sự kết nối kết nối thông suốt, tốc độ cao giữa Bộ Y tế với Văn phòng Chính phủ, các đơn vị trực thuộc Bộ, các Bộ, ngành.

- Tích hợp chữ ký số trong các ứng dụng quan trọng của ngành.

- Xây dựng hạ tầng phục vụ giao tiếp với người dân và doanh nghiệp.

### **2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ Cơ quan**

- Nâng cấp hệ thống quản lý văn bản điện tử và điều hành của Bộ Y tế, kết nối liên thông với Văn phòng Chính phủ; với tất cả các đơn vị trực thuộc Bộ; kết nối với hệ thống quản lý văn

bản và điều hành điện tử của các Sở Y tế, y tế các ngành, các Bộ/ngành và UBND các tỉnh/thành phố, đảm bảo hoạt động chỉ đạo điều hành của Bộ Y tế được thực hiện trên môi trường điện tử, có tích hợp chữ ký số.

- Nâng cấp hệ thống thư điện tử để đảm bảo cung cấp hộp thư điện tử công vụ (@moh.gov.vn) đủ dung lượng, đảm bảo an toàn, an ninh, sử dụng tiện lợi đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Bộ và đến lãnh đạo, văn thư các đơn vị trực thuộc Bộ, văn thư các Sở Y tế, Y tế ngành; Tích hợp chữ ký số vào hệ thống thư điện tử của Bộ Y tế, đảm bảo các giao dịch được an toàn, xác thực.

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Bộ, trang/cổng thông tin của các đơn vị trực thuộc Bộ, đảm bảo cung cấp thông tin cập nhật, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, nhu cầu thông tin về công tác quản lý ngành y tế của người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình của Bộ Y tế.

- Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành, ưu tiên các hệ thống sau:

- + Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên;
- + Hệ thống thông tin quản lý ngân sách, tài chính;
- + Hệ thống thông tin thống kê y tế;
- + Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về công tác thanh tra, xử lý giải quyết đơn thư và tiếp công dân;
- + Hệ thống thông tin về văn bản pháp luật và các hoạt động liên quan đến hệ thống hóa văn bản pháp luật y tế;
- + Hệ thống thông tin quản lý tài liệu lưu trữ và số hóa tài liệu;
- + Các hệ thống quản lý điều hành của các đơn vị thuộc/trực thuộc.

### **3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Xây dựng và duy trì 100% dịch vụ công của Bộ Y tế được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, trong đó 50% được cung cấp ở mức độ 4; ưu tiên các dịch vụ liên quan nhiều đến đời sống người dân, hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, dịch vụ có số lượng hồ sơ tiếp nhận và xử lý lớn.

- Xây dựng cổng thông tin dịch vụ công một cửa Bộ Y tế; hoàn thành việc kết nối hệ thống Hải quan một cửa đối với các dịch vụ công liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Y tế; đảm bảo hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoạt động liên tục, an toàn, an ninh.

- Xây dựng hệ thống và hướng dẫn thực hiện qua mạng điện tử trên toàn quốc đối với việc cấp chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh.

### **4. Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán, giám định BHYT.

- Tiếp tục chỉ đạo, phối hợp với các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và trực thuộc các thành phố lớn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, thực hiện nhiệm vụ trong Đề án bệnh viện vệ tinh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong đề án xây dựng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2013-2020.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đề án Phát triển y tế biển, đảo Việt Nam đến năm 2020.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế cơ sở.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý an toàn thực phẩm.

- Xây dựng Hệ thống quản lý y bạ điện tử (Hồ sơ y tế điện tử) được triển khai toàn quốc, với cơ sở dữ liệu tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của Bộ Y tế.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm được triển khai toàn quốc, với cơ sở dữ liệu tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của Bộ Y tế.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường y tế.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trang thiết bị y tế.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dược phẩm, mỹ phẩm.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý khoa học công nghệ của ngành y tế.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đào tạo nhân lực y tế.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nhà nước về Y dược cổ truyền.

- Xây dựng hệ thống thông tin phòng chống HIV/AIDS.

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành giám định y khoa, giám định pháp y và hệ thống thông tin quản lý phục hồi chức năng.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cấp và duy trì Hệ thống thông tin quản lý dữ liệu hoạt động các đối tác phát triển và tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực y tế.

## **5. Đảm bảo an toàn thông tin**

Triển khai các nội dung đảm bảo an toàn thông tin cho các hoạt động của Bộ Y tế bao gồm nội dung:

- Hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu;

- Đẩy mạnh triển khai ứng dụng chữ ký số và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước;

- Ban hành quy chế bảo đảm an toàn thông tin và định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin của Bộ Y tế;

- Xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng trong Bộ Y tế;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý sự cố an toàn, an ninh thông tin y tế.

### **6. Nguồn nhân lực cho ứng dụng công nghệ thông tin**

- Các cơ sở y tế, các cơ quan quản lý nhà nước về y tế từ tuyến huyện trở lên phải có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng để triển khai tốt các hoạt động.

- Thành lập đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ sở y tế có từ 3 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trở lên.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực về đảm bảo an toàn thông tin theo Đề án 99 “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020” ban hành tại Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo liên tục, chuyên sâu về ứng dụng công nghệ thông tin; Tăng cường áp dụng đào tạo từ xa trong các hoạt động đào tạo của ngành y tế.

## **III. GIẢI PHÁP**

Để triển khai các hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ Y tế đúng tiến độ, hiệu quả, cần có các giải pháp đồng bộ cả về chính sách, tài chính, nhân lực và công nghệ, cần phối hợp chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020. Một số giải pháp cụ thể như sau:

### **1. Giải pháp tài chính**

- Huy động các nguồn tài chính khác nhau để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, như vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ nước ngoài, vốn vay, đảm bảo đủ kinh phí cho các dự án xây dựng, phát triển hạ tầng cơ sở thông tin, các dự án có quy mô triển khai rộng, sản phẩm được triển khai trên toàn quốc (toàn ngành), các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đã được phê duyệt và các dự án khác theo mức độ ưu tiên.

- Tăng cường thu hút tài trợ nước ngoài, huy động tối đa nguồn lực và đầu tư của doanh nghiệp, xã hội cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin.

- Huy động các nguồn lực tài chính và kỹ thuật thông qua mô hình hợp tác đối tác công tư (PPP).

- Đẩy mạnh việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn vốn cho công nghệ thông tin, đảm bảo việc chi tiêu hiệu quả, đúng quy định, tránh lãng phí.

- Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương cho việc xây dựng và triển khai các dự án/nhiệm vụ đặc thù.

### **2. Giải pháp triển khai**

- Đảm bảo thiết kế các hệ thống thông tin được thực hiện kỹ lưỡng, theo đúng quy trình, phù hợp với thực tiễn, áp dụng được các công nghệ mới và khả thi, đặc biệt đối với các hệ thống có quy mô triển khai toàn quốc, thiết kế tổng thể công nghệ thông tin ngành y tế.

- Ưu tiên xây dựng hạ tầng cơ sở thông tin đảm bảo hoạt động thông suốt, an toàn, an ninh, thông lượng cao, đáp ứng yêu cầu vận hành và trao đổi thông tin; hoàn thiện sớm việc xây

dựng cơ sở dữ liệu danh mục/từ điển dùng chung cốt yếu gắn liền với mã định danh, làm nền tảng cho việc trao đổi thông tin, khả năng tích hợp giữa các hệ thống.

- Xây dựng các tiêu chuẩn công nghệ thông tin y tế, chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chuyên môn.

- Bộ Y tế đầu tư xây dựng, thực hiện các dự án có quy mô toàn ngành, các dự án về hạ tầng cơ sở thông tin. Với các dự án này, Bộ sẽ thành lập Ban quản lý dự án độc lập để triển khai thực hiện và giao dự án cho đơn vị có đủ năng lực theo dõi, giám sát.

- Để đảm bảo thành công của các dự án, giảm thiểu việc đầu tư trùng lặp và nâng cao hiệu quả đầu tư, các bài toán có quy mô lớn, các ứng dụng có thể sử dụng ở nhiều đơn vị trong ngành sẽ được thực hiện mô hình thí điểm - nhân rộng theo thiết kế đã được phê duyệt.

- Quản lý, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Y tế và triển khai xây dựng Kiến trúc Y tế điện tử nhằm xác định bức tranh tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, nâng cao khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin, hạn chế đầu tư trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai, nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế, tạo cơ sở xác định hệ thống công nghệ thông tin cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm triển khai.

- Cơ quan Bộ Y tế và từng đơn vị trực thuộc Bộ phải xây dựng kiến trúc hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan, từ đó xây dựng đề án công nghệ thông tin tổng thể của đơn vị làm căn cứ triển khai các ứng dụng.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin với công tác cải cách hành chính, trong đó các ứng dụng phục vụ công tác cải cách hành chính, trước hết là công tác cải cách tại Bộ Y tế, được ưu tiên đầu tư, triển khai, để xây dựng nền tảng của nền hành chính y tế điện tử, đảm bảo ứng dụng công nghệ thông tin là một giải pháp quan trọng của cải cách hành chính.

- Tham khảo, học tập mô hình tiên tiến, thành công ở các nước trên thế giới, điều chỉnh, áp dụng phù hợp với ngành y tế Việt Nam.

### **3. Giải pháp tổ chức**

- Bộ Y tế cử một đồng chí Lãnh đạo Bộ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này.

- Phát huy vai trò đơn vị chuyên trách và quản lý công nghệ thông tin của Cục Công nghệ thông tin trong việc tham mưu, thống nhất quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành. Xây dựng cơ chế đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thuộc/trực thuộc Bộ với Cục Công nghệ thông tin để đảm bảo khả năng tích hợp giữa các hệ thống thông tin và hiệu quả cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thành lập, kiện toàn bộ máy tổ chức chuyên trách công nghệ thông tin y tế các cấp, các đơn vị, để có đủ năng lực tổ chức quản lý, triển khai, duy trì hoạt động hệ thống công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý hoặc tại đơn vị.

- Giao dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin đến các đơn vị đầu mối có đủ năng lực, chuyên môn để tổ chức triển khai, thực hiện. Với các dự án có quy mô toàn ngành, các dự án về hạ tầng cơ sở thông tin, Bộ Y tế sẽ thành lập Ban quản lý dự án độc lập để triển khai thực hiện và giao dự án cho đơn vị có đủ năng lực theo dõi, giám sát.

- Tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Bộ và các cơ sở y tế về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin y tế.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời; đưa tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin vào đánh giá kết quả hoàn thành công việc của các tổ chức, cá nhân; xây dựng bộ tiêu chí và thực hiện xếp loại ứng dụng công nghệ thông tin cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ.

#### **4. Giải pháp môi trường pháp lý**

- Ưu tiên xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo môi trường pháp lý cho các hoạt động y tế trên môi trường điện tử: quy định về các điều kiện hoạt động, sử dụng các ứng dụng cụ thể và việc trao đổi thông tin giữa các hệ thống, việc đảm bảo an toàn, an ninh, bảo mật thông tin.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về công nghệ thông tin y tế, ứng dụng cụ thể, các quy trình nghiệp vụ chuẩn; xây dựng, ban hành tiêu chí chung cho các hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến, các căn cứ để thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế; đưa chi phí ứng dụng công nghệ thông tin thành một thành tố tính giá dịch vụ y tế.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận công nghệ thông tin tại các đơn vị trong ngành y tế.

#### **5. Các giải pháp khác**

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức; bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho giám đốc công nghệ thông tin, cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin các cấp.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế về nguồn lực, mô hình, kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế.

- Căn cứ vào kế hoạch này, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, các Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và y tế các ngành xây dựng kế hoạch phù hợp, phát huy được tính chủ động của cơ quan, đơn vị.

### **IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

Chi tiết về lộ trình thực hiện các dự án, nhiệm vụ trọng điểm được trình bày tại Phụ lục 01 kèm theo bản Kế hoạch này.

### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp nhu cầu đầu tư báo cáo Bộ Y tế đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch này; Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án trọng tâm trong giai đoạn 2016-2020.

2. Các đơn vị sự nghiệp ưu tiên việc sử dụng kinh phí từ ngân sách được giao, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư và thuê dịch vụ công nghệ thông tin trên cơ sở sử dụng ngân sách đúng mục đích và hiệu quả.

3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ triển khai thực hiện Quyết định 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin từ các

doanh nghiệp, khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong ứng dụng công nghệ thông tin.

## **VI. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ**

Danh mục dự án, nhiệm vụ trọng điểm sẽ triển khai trong giai đoạn 2016-2020 được xác định tại Phụ lục 02 kèm theo kế hoạch.

## **VII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ**

1. Đối với người dân, doanh nghiệp: Thực hiện kế hoạch này sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế, các dịch vụ quản lý hành chính trong ngành y tế, đồng thời tăng cường khả năng giám sát đối với các hoạt động của ngành.

2. Đối với các cơ sở y tế: Thực hiện kế hoạch này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực, tính minh bạch của công tác quản lý, điều hành, chất lượng các dịch vụ y tế và phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp, qua đó làm tăng sự hài lòng của người dân đối với ngành y tế.

3. Đối với cán bộ y tế: Về dài hạn, thực hiện kế hoạch này sẽ giảm bớt gánh nặng công việc hành chính sự vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp, hợp tác giữa các cá nhân, đơn vị; hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn.

4. Hiệu quả chung về kinh tế - xã hội: Thực hiện kế hoạch này sẽ góp phần tạo ra môi trường chăm sóc sức khỏe, môi trường sống, làm việc hiện đại, thuận tiện, trong sáng, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả và giảm chi tiêu cho hoạt động chăm sóc sức khỏe, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

## PHỤ LỤC 01

### LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRỌNG ĐIỂM TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BYT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| STT        | Tên dự án, nhiệm vụ                                                                                                                         | Năm<br>2016 | Năm<br>2017 | Năm<br>2018 | Năm<br>2019 | Năm<br>2020 |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| <b>I</b>   | <b>Cơ sở hạ tầng</b>                                                                                                                        |             |             |             |             |             |
| 1          | Xây dựng CSDL các danh mục dùng chung.                                                                                                      |             |             |             |             |             |
| 2          | Xây dựng CSDL về hệ thống tổ chức ngành y tế, tích hợp bản đồ địa lý GIS.                                                                   |             |             |             |             |             |
| 3          | Xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu của Bộ Y tế                                                                                              |             |             |             |             |             |
| 4          | Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ thông tin của Bộ Y tế                                                                                   |             |             |             |             |             |
| <b>II</b>  | <b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước</b>                                                                                  |             |             |             |             |             |
| 1          | Hoàn thành hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý ngành y tế của Lãnh đạo Bộ.                             |             |             |             |             |             |
| 2          | Xây dựng hệ thống thông tin thống kê y tế.                                                                                                  |             |             |             |             |             |
| 3          | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đào tạo liên tục cán bộ ngành y tế.                                                                     |             |             |             |             |             |
| <b>III</b> | <b>Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp</b>                                                                       |             |             |             |             |             |
| 1          | Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến một cửa của Bộ Y tế.                                                                              |             |             |             |             |             |
| 2          | Nâng cấp mở rộng các quy trình thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu, kiểm dịch y tế để kết nối cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2016-2020. |             |             |             |             |             |
| 3          | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý                                                                                                         |             |             |             |             |             |

|           |                                                                                                                                        |  |  |  |  |  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|
|           | Y bạ điện tử (Hồ sơ sức khỏe điện tử).                                                                                                 |  |  |  |  |  |
| 4         | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực y tế.                                                           |  |  |  |  |  |
| <b>IV</b> | <b>Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành</b>                                                                                   |  |  |  |  |  |
| 1         | Xây dựng kiến trúc tổng thể Y tế điện tử                                                                                               |  |  |  |  |  |
| 2         | Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý khám chữa bệnh phục vụ công tác giám định và thanh toán BHYT.                     |  |  |  |  |  |
| 3         | Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.                                        |  |  |  |  |  |
| 4         | Ứng dụng công nghệ thông tin trong đề án xây dựng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2013 - 2020. |  |  |  |  |  |
| 5         | Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm.                                             |  |  |  |  |  |
| 6         | Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển y tế biển, đảo Việt Nam.                                                                 |  |  |  |  |  |
| 7         | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế cơ sở.                                                                                 |  |  |  |  |  |
| 8         | Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý an toàn thực phẩm.                                                                                 |  |  |  |  |  |
| 9         | Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý môi trường y tế.                                                                                   |  |  |  |  |  |
| 10        | Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý dược phẩm, mỹ phẩm.                                                                                |  |  |  |  |  |
| 11        | Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý trang thiết bị y tế.                                                                               |  |  |  |  |  |
| 12        | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý khoa học công nghệ của ngành.                                                                      |  |  |  |  |  |
| 13        | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ                                                                  |  |  |  |  |  |

|           |                                                                                                                |  |  |  |  |  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|
|           | và trẻ em.                                                                                                     |  |  |  |  |  |
| 14        | Xây dựng hệ thống thông tin phòng chống HIV/AIDS                                                               |  |  |  |  |  |
| 15        | Xây dựng thư viện điện tử ngành y tế.                                                                          |  |  |  |  |  |
| 16        | Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành Dân số - KHHGD (MIS).                                       |  |  |  |  |  |
| 17        | Hệ thống thông tin quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai (LMIS).                                          |  |  |  |  |  |
| 18        | Bản đồ điện tử dân số.                                                                                         |  |  |  |  |  |
| <b>V</b>  | <b>Đảm bảo an toàn thông tin</b>                                                                               |  |  |  |  |  |
| 1         | Xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng trong Bộ Y tế.                                                         |  |  |  |  |  |
| 2         | Xây dựng cơ sở dữ liệu sự cố ngành Y tế.                                                                       |  |  |  |  |  |
| 3         | Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin ngành y tế.                    |  |  |  |  |  |
| <b>VI</b> | <b>Các nhiệm vụ, dự án khác</b>                                                                                |  |  |  |  |  |
| 1         | Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế. |  |  |  |  |  |

## PHỤ LỤC 02

### DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRỌNG ĐIỂM TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Đơn vị: triệu đồng

| STT       | Tên dự án, nhiệm vụ                                                                  | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian thực hiện | Dự kiến kinh phí | Hình thức đầu tư |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Cơ sở hạ tầng</b>                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                     | <b>270.000</b>   |                  |
| 1         | Xây dựng CSDL các danh mục dùng chung.                                               | Hệ thống quản lý danh mục dùng chung đồng bộ, thống nhất có thể chia sẻ nhằm thúc đẩy khả năng liên thông giữa các HTTT                                                                                                                                                                                                | 2016-2020           | 20.000           |                  |
| 2         | Xây dựng CSDL về hệ thống tổ chức và nhân lực ngành y tế, tích hợp bản đồ địa lý GIS | Đảm bảo toàn bộ thông tin về hệ thống tổ chức ngành y tế (thông tin hành chính, vị trí địa lý, nguồn nhân lực,...) được tin học hóa phục vụ công tác quản lý, đánh giá, định hướng chỉ đạo của Bộ Y tế và phục vụ công tác tra cứu, tìm kiếm cơ sở y tế, cán bộ y tế gần nhất cho cộng đồng người dân và doanh nghiệp. | 2016-2017           | 30.000           |                  |
| 3         | Xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu của Bộ Y tế.                                      | Đảm bảo hạ tầng trung tâm dữ liệu được xây dựng theo các tiêu chuẩn được quy định đáp ứng yêu cầu quản lý, lưu trữ, đảm bảo an toàn thông tin hệ thống CSDL và hệ thống các ứng dụng chuyên ngành của Bộ Y tế.                                                                                                         | 2016-2017           | 200.000          |                  |
| 4         | Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ thông tin của Bộ Y tế                            | Cho phép tích hợp, liên thông giữa các hệ thống thông tin trong Bộ Y tế và giữa Bộ Y tế với các sở y tế, các đơn vị trực thuộc và các cơ quan khác.                                                                                                                                                                    | 2016-2017           | 20.000           |                  |
| <b>II</b> | <b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước</b>                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                     | <b>50.000</b>    |                  |
| 1         | Hoàn thành hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý  | Xây dựng hệ thống CSDL tích hợp các dữ liệu y tế và các ứng dụng tra cứu, tìm kiếm, đánh giá, phân tích giúp Lãnh đạo Bộ nhanh chóng nắm bắt thông tin và ra quyết định chỉ đạo kịp                                                                                                                                    | 2016-2017           | 15.000           |                  |

|                                                                           |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |                |  |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|--|
|                                                                           | ngành y tế của Lãnh đạo Bộ.                                                                                                                 | thời, hiệu quả (bao gồm kho dữ liệu y tế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |                |  |
| 2                                                                         | Xây dựng hệ thống thông tin thống kê y tế.                                                                                                  | Tin học hóa quy trình nghiệp vụ thống kê y tế và xây dựng hệ thống thông tin tích hợp báo cáo thống kê 4 cấp ngành y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2017-2018 | 30.000         |  |
| 3                                                                         | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đào tạo liên tục cán bộ ngành Y tế.                                                                     | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý và tạo lập CSDL quốc gia về đào tạo liên tục cán bộ y tế phục vụ công tác quản lý, theo dõi đánh giá và xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý cho cán bộ y tế trong toàn ngành.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2016-2020 | 5.000          |  |
| <b>III Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp</b> |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           | <b>320.000</b> |  |
| 1                                                                         | Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến một cửa của Bộ Y tế.                                                                              | Xây dựng hệ thống dịch vụ hành chính công trực tuyến tập trung một cửa của Bộ Y tế. Cung cấp đầy đủ các dịch vụ hành chính công trực tuyến, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính công của Bộ Y tế, phục vụ công tác cải cách hành chính, tạo thuận lợi và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức.                                                                                                                                                                        | 2016-2020 | 30.000         |  |
| 2                                                                         | Nâng cấp mở rộng các quy trình thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu, kiểm dịch y tế để kết nối cơ chế một cửa quốc gia giai đoạn 2016-2020. | <p>- Chính thức kết nối cơ chế một cửa quốc gia đối với các thủ tục của Cục ATTP, Cục Quản lý Dược, Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế theo Quyết định số 48/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Mở rộng kết nối các quy trình, thủ tục liên quan đến XNK hàng hóa, kiểm dịch y tế thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế giai đoạn 2016-2020 với cơ chế một cửa quốc gia.</p> <p>- Tin học hóa 100% các quy trình, thủ tục hành chính theo Quyết định số 3829/QĐ-BYT ngày 10/9/2015 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính công thuộc phạm vi</p> | 2016-2020 | 120.000        |  |

|                                                         |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |                |                                                                                         |
|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                         |                                                                                                                    | quản lý của Bộ Y tế đạt mức độ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong giai đoạn 2016-2020.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |                |                                                                                         |
| 3                                                       | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Y bạ điện tử (Hồ sơ sức khỏe điện tử).                                         | Phục vụ việc lưu trữ thông tin liên quan đến sức khỏe người dân, được chia sẻ giữa người dân và các cơ sở khám chữa bệnh để phục vụ tốt hơn trong việc chăm sóc sức khỏe cho người dân trên phạm vi toàn quốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2017-2020 | 100.000        |                                                                                         |
| 4                                                       | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực y tế.                                       | Xây dựng HTTT Quản lý thông tin người hành nghề, bao gồm: nhân khẩu, quá trình đào tạo, hành nghề, tiến độ và kết quả cấp phép, tình trạng hành nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2016-2020 | 70.000         |                                                                                         |
| <b>IV Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành</b> |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           | <b>788.400</b> |                                                                                         |
| 1                                                       | Xây dựng kiến trúc tổng thể Y tế điện tử.                                                                          | Đảm bảo việc triển khai các hệ thống thông tin y tế theo một kiến trúc chung, đảm bảo tính liên thông cũng như tối ưu hóa việc triển khai các hệ thống thông tin y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2017      | 5.000          |                                                                                         |
| 2                                                       | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động khám chữa bệnh phục vụ công tác giám định và thanh toán BHYT. | Xây dựng hệ thống CNTT đồng bộ về quản lý hoạt động KCB phục vụ công tác giám định và thanh toán BHYT, dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, đáp ứng đầy đủ cho các yêu cầu quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho hiện tại và tương lai. Hệ thống đảm bảo việc cung cấp thông tin dữ liệu chất lượng tốt để vừa phản ứng nhanh, can thiệp kịp thời, vừa hỗ trợ công tác quản lý điều hành, nâng cao khả năng dự báo, lập kế hoạch, tăng cường năng lực khám chữa bệnh và cải thiện chất lượng phục vụ người dân. | 2016-2018 | 100.000        | Triển khai Nghị quyết số 68/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội                      |
| 3                                                       | Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa.                    | Nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị cho tuyến dưới. Các bệnh viện hạt nhân kết nối với các bệnh viện vệ tinh qua hệ thống công nghệ thông tin để đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực tuyến dưới, hội chẩn trực tuyến các ca bệnh khó, cần có sự hướng dẫn, giúp đỡ của tuyến trên qua hệ thống công nghệ                                                                                                                                                                           | 2016-2020 | 200.000        | QĐ số 774/QĐ- BYT ngày 11/3/2013 phê duyệt Đề án bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2013-2020; |

|   |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |         |                                                                                                                                              |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                        | thông tin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |         |                                                                                                                                              |
| 4 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong đề án xây dựng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2013 - 2020. | <p>Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động phòng khám bác sĩ gia đình như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hệ thống CNTT quản lý các thông tin về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng, quản lý phòng khám, nhân viên y tế, có khả năng tích hợp các máy thăm dò chức năng, xét nghiệm cơ bản</li> <li>+ Xây dựng bệnh án điện tử y học gia đình;</li> <li>+ Đầu tư TTB và hệ thống mạng đảm bảo việc trao đổi thông tin liên tục giữa các phòng khám bác sĩ gia đình với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</li> <li>+ Đào tạo và truyền thông.</li> </ul> | 2016-2020 | 50.000  | QĐ số 935/QĐ- BYT ngày 22/3/2013 phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại Việt Nam giai đoạn 2013-2020; |
| 5 | Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm                                              | <p>Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý tiêm chủng đến từng người dân. Nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe toàn dân thông qua việc quản lý, theo dõi, lưu trữ thông tin tiêm chủng của toàn dân, đặc biệt là bà mẹ, trẻ em một cách đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời.</p> <p>Tổng hợp đầy đủ thông tin trên tất cả các tuyến về tiêm chủng, quản lý vắc xin, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm làm cơ sở cho việc ra quyết định của Bộ Y tế trong công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh.</p>                                                                                         | 2016-2018 | 100.000 |                                                                                                                                              |
| 6 | Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển y tế biển, đảo Việt Nam.                                                                 | Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế tại các vùng biển, đảo; trang bị kiến thức cho người dân vùng biển, đảo để có thể tự bảo vệ sức khỏe, biết tự sơ cấp cứu và đưa người bị nạn đến các cơ sở cấp cứu vùng biển, đảo, cũng như trang thiết bị cần thiết để trong trường hợp khẩn cấp để có thể cấp cứu người bệnh tại các trung tâm y tế huyện đảo mà không                                                                                                                                                                                                              | 2016-2020 | 50.000  | QĐ 317/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 7/2/2013.                                                                                                   |

|    |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |         |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|--|
|    |                                                                          | cần đưa về đất liền thông qua việc Đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống trang thiết bị và ứng dụng CNTT.                                                                                                                                                                                        |           |         |  |
| 7  | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế cơ sở.                   | Xây dựng hệ thống CNTT quản lý các hoạt động Y tế tuyến cơ sở phục vụ công tác quản lý, thống kê báo cáo dữ liệu về Y tế tuyến cơ sở trên phạm vi toàn quốc.                                                                                                                              | 2016-2018 | 100.000 |  |
| 8  | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý an toàn thực phẩm.                   | Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý về an toàn thực phẩm đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát, đánh giá và kiểm tra một cách kịp thời và nhanh chóng.                                                                                                                | 2016-2018 | 20.000  |  |
| 9  | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường y tế.                     | Phục vụ việc thu thập, báo cáo thống kê số liệu về chất lượng môi trường y tế trên toàn quốc.<br><br>Tổng hợp đầy đủ thông tin, số liệu trên tất cả các tuyến về: chất thải, nước uống sinh hoạt, không khí... về Bộ Y tế.                                                                | 2016-2018 | 20.000  |  |
| 10 | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dược phẩm, mỹ phẩm.                  | Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý về dược phẩm và mỹ phẩm đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát, đánh giá và kiểm tra một cách kịp thời và nhanh chóng.                                                                                                                            | 2017-2019 | 20.000  |  |
| 11 | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trang thiết bị y tế.                 | Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý về trang thiết bị y tế đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát, đánh giá và kiểm tra một cách kịp thời và nhanh chóng.                                                                                                                             | 2017-2019 | 20.000  |  |
| 12 | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý khoa học công nghệ của ngành.        | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý KHCN, tạo lập CSDL về đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp bộ, cấp cơ sở và CSDL chuyên gia ngành y tế, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học. | 2016-2020 | 10.000  |  |
| 13 | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và | Nhằm phục vụ việc thu thập, báo cáo thống kê số liệu về lĩnh vực sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Tổng                                                                                                                                       | 2016-2020 | 20.000  |  |

|    |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |        |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|--|
|    | trẻ em.                                                                  | hợp đầy đủ các thông tin, số liệu các tuyến về: sức khỏe phụ nữ mang thai, phụ nữ đẻ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, SKSS vị thành niên, SKSS tuổi sinh đẻ của phụ nữ, SKSS nam giới, SKSS người cao tuổi,...                                                                                                                                                                                                      |           |        |  |
| 14 | Xây dựng hệ thống thông tin phòng chống HIV/AIDS                         | Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng chống HIV/AIDS đảm bảo đáp ứng thông tin nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu quản lý, giám sát và điều trị HIV/AIDS.                                                                                                                                                                                                                                       | 2016-2020 | 20.000 |  |
| 15 | Xây dựng thư viện điện tử ngành y tế.                                    | Xây dựng CSDL thư viện điện tử nhằm kết nối liên thông hệ thống thư viện điện tử các đơn vị trong ngành y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2017-2019 | 20.000 |  |
| 16 | Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành Dân số - KHHGĐ (MIS). | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành DS- KHHGĐ (MIS) từ trung ương đến địa phương.</li> <li>- Nâng cấp hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành DS- KHHGĐ 3 cấp Huyện - Tỉnh - Trung ương, phát triển phần mềm nhập tin tại xã tập huấn chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Đáp ứng công tác quản lý điều hành tại Tổng cục DS- KHHGD, Bộ Y tế.</li> </ul> | 2016-2020 | 23.400 |  |
| 17 | Hệ thống thông tin quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai (LMIS).    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì, nâng cấp và phát triển hệ thống quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai cấp Tỉnh - Trung ương.</li> <li>- Phát triển phần mềm mở rộng xuống tuyến huyện, đồng bộ dữ liệu 3 cấp.</li> </ul>                                                                                                                                                             | 2016-2020 | 4.000  |  |
| 18 | Bản đồ điện tử dân số.                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Duy trì cập nhật, bổ sung số liệu về quy mô dân số và thông tin số liệu về sức khỏe sinh sản, DS-KHHGĐ của 28 tỉnh, 151 huyện vùng biển, đảo và ven biển.</li> <li>- Nâng cấp mở rộng bản đồ điện tử cho các tỉnh/thành chưa thuộc đề án.</li> </ul>                                                                                                               | 2016-2020 | 6.000  |  |
|    |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |        |  |

|           |                                                                                                                |                                                                                           |           |                  |  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------|--|
| <b>V</b>  | <b>Đảm bảo an toàn thông tin</b>                                                                               |                                                                                           |           | <b>50.000</b>    |  |
| 1         | Xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng trong Bộ Y tế.                                                         | Cảnh báo về nguy cơ an toàn, an ninh thông tin trong Bộ Y tế.                             | 2016-2017 | 20.000           |  |
| 2         | Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý sự cố an toàn, an ninh thông tin ngành y tế.                                    | Phục vụ cho việc phản ứng với sự cố an toàn, an ninh thông tin.                           | 2017-2019 | 10.000           |  |
| 3         | Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin ngành y tế.                    | Phục vụ cho các hệ thống thông tin lưu trữ tại Bộ Y tế.                                   | 2016-2019 | 20.000           |  |
| <b>VI</b> | <b>Các nhiệm vụ, dự án khác</b>                                                                                |                                                                                           |           | <b>300.000</b>   |  |
| 1         | Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ tại các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế. | Phát triển, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế. | 2016-2020 | 300.000          |  |
|           | <b>Tổng cộng</b>                                                                                               |                                                                                           |           | <b>1.778.400</b> |  |